

ĐIỂM THI GIỮA HỌC KỲ II

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh			Lý	Hóa	Ghi chú
							TN	TL	TC			
1	000861	Lê Thị Vân Anh	14/08/2004	11A1	5.3	5	2.4	3	5.4	3.5	0.8	
2	000878	Trần Ngọc Minh Châu	18/10/2004	11A1	8.8	7.8	1.8	4.9	6.7	6.5	9	
3	000906	Phạm Gia Đạt	22/10/2004	11A1	3	6	0.8	2.7	3.5	0.8	3.8	
4	000910	Trần Tấn Đạt	02/09/2004	11A1	8.8	6.5	1.6	4.7	6.3	5.8	7.5	
5	000927	Nguyễn Thị Thanh Hằng	04/01/2004	11A1	8.8	6.3	2.6	5.4	8	10	9.5	
6	000949	Ngô Huy Hoàng	30/05/2004	11A1	6.3	7	1.4	1.4	2.8	5	1.8	
7	000955	Nguyễn Nhất Huy	06/03/2004	11A1	7.5	4.8	1.6	4.1	5.7	3.5	5.3	
8	000958	Nguyễn Hoàng Bảo Huy	16/02/2004	11A1	4.5	3	1.2	2.8	4	5	3	
9	000974	Tạ Duy Khang	24/02/2004	11A1	9	6.3	2	3.6	5.6	5	5	
10	000986	Lê Nhật Lâm	11/06/2004	11A1	6	6.5	1.2	4.6	5.8	3.5	3.5	
11	000994	Nguyễn Thị Tú Linh	11/06/2004	11A1	7.8	8	2.2	4.3	6.5	4.3	9.5	
12	000999	Nguyễn Trường Bảo Long	19/10/2004	11A1	7.5	5	1.2	4.3	5.5	3	4.3	
13	001011	Nguyễn Ngọc Khánh Minh	04/01/2004	11A1	7.8	7.3	1.2	5.4	6.6	10	9.5	
14	001019	Nguyễn Quỳnh Thảo My	19/07/2004	11A1	8.5	6.3	2	4.6	6.6	5	5.5	
15	001028	Đoàn Bảo Ngân	06/12/2004	11A1	9	7.5	1.4	4.5	5.9	6.5	9.5	
16	001033	Phạm Nguyễn Kim Ngân	06/11/2004	11A1	8.5	6.8	1.4	4.4	5.8	5	7.3	
17	001043	Nguyễn Hữu Nghĩa	26/02/2004	11A1	7	6.5	2	4.2	6.2	1.5	3.8	
18	001044	Huỳnh Bảo Ngọc	03/06/2004	11A1	9	8	1.8	4.9	6.7	8	6	
19	001055	Đỗ Lê Tiền Nhân	06/09/2004	11A1	9	6.3	1.6	4.4	6	7.3	7.5	
20	001060	Bùi Phan Yến Nhi	17/08/2004	11A1	8.5	6.3	2.6	5.7	8.3	2	7.3	
21	001070	Nguyễn Thành Nhơn	10/01/2004	11A1	9	3.5	1.8	4.9	6.7	7.8	9.5	
22	001071	Giang Thị Cẩm Nhung	29/12/2004	11A1	4.3	5.3	1.2	4	5.2	1.3	5	
23	001074	Cao Tâm Như	17/09/2004	11A1	8.8	8	2	5	7	4.5	8.8	

24	001076	Phan Ý Như	26/09/2004	11A1	3	3.8	1.6	3.8	5.4	3.5	6.8	
25	001085	Đặng Minh Phát	05/06/2004	11A1	9	6.8	2.4	4.4	6.8	5	8.5	
26	001099	Nguyễn Phạm Thiện Phước	21/07/2004	11A1	5.3	8	0.8	1.7	2.5	4.3	4.8	
27	001113	Ngô Thị Kim Quyên	29/01/2004	11A1	7	6.8	1.6	3.3	4.9	0.8	5.5	
28	001115	Trần Nguyễn Như Quỳnh	10/05/2004	11A1	8.8	5.8	1.2	4	5.2	5.3	8.5	
29	001130	Trương Thanh Tâm	08/09/2004	11A1	6	4.5	1.8	4.2	6	3	3	
30	001139	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	05/10/2004	11A1	9	7	2.4	4.6	7	7.3	9.5	
31	001144	Trần Nguyễn Mai Thảo	11/11/2004	11A1	5.8	6.5	1.6	2.6	4.2	5	5	
32	001147	Nguyễn Thị Hồng Thắm	02/11/2004	11A1	7.3	6.3	1.2	3.3	4.5	1	5.8	
33	001158	Hà Thị Thùy	20/02/2004	11A1	9	7.5	1.2	5.4	6.6	4.5	6.8	
34	001168	Nguyễn Võ Minh Thư	18/08/2004	11A1	5.5	7.3	1.8	4.2	6	5.8	6.5	
35	001170	Phú Ngọc Anh Thư	02/06/2004	11A1	6.8	5.5	2	3.5	5.5	2.3	2	
36	001189	Nguyễn Minh Tiến	24/05/2004	11A1	9.3	6	2	4.8	6.8	8.3	8.5	
37	001191	Trần Văn Tiến	07/04/2004	11A1	4.8	4	2.2	4.7	6.9	5.3	6.3	
38	001210	Hồ Đức Trí	01/03/2004	11A1	7.5	6.8	1.6	3.1	4.7	7.8	2	
39	001211	Phạm Hoàng Minh Trí	24/10/2003	11A1	7.3	3	1.2	3.1	4.3	7	2.3	VPQCT
40	001226	Phạm Anh Tuấn	17/05/2004	11A1	7.75	5.3	1.6	4.2	5.8	1.5	4	
41	001256	Trần Ngọc Tường Vy	12/04/2004	11A1	8.5	7	1.8	3.4	5.2	6.3	5	
42	001262	Triệu Vỹ	25/02/2004	11A1	8.3	6.8	1.8	3.8	5.6	7	6.8	
43	000860	Đinh Thị Ngọc Anh	22/09/2004	11A10	8	7.8	1.4	5	6.4	8.3	7.5	
44	000862	Nguyễn Đoàn Vân Anh	01/12/2004	11A10	6	5.3	0.6	2.4	3	4.5	2	
45	000883	Trương Thị Hồng Cúc	20/12/2004	11A10	9	7	2	4.2	6.2	9.3	8.3	
46	000885	Hứa Trí Cường	14/05/2004	11A10	7.3	5.3	1.8	4.7	6.5	5.8	5.8	
47	000892	Nguyễn Thanh Dũng	11/07/2004	11A10	8.3	5.8	1.8	5.2	7	7.3	7.5	
48	000893	Trịnh Văn Dũng	28/11/2004	11A10	8.3	6.5	1.2	5.2	6.4	4.3	6	
49	000908	Phan Huỳnh Tiến Đạt	04/01/2004	11A10	7.3	5.3	1.8	2.9	4.7	3.5	1.3	
50	000912	Nguyễn Trí Đức	19/11/2004	11A10	6.8	5.5	2	4.7	6.7	7.5	5.3	

51	000930	Ngô Gia Hân	03/07/2004	11A10	8.8	6	2	4.7	6.7	6	4.3	
52	000934	Nguyễn Trung Hậu	18/03/2004	11A10	7.3	7	1.4	2.8	4.2	6.5	5.5	
53	000940	Trương Tấn Hiền	13/04/2004	11A10	7.5	5.8	1.6	3.6	5.2	7	4.3	
54	000960	Tôn Thất Hoàng Huy	17/05/2004	11A10	8	4	1.8	4.3	6.1	3	5.5	
55	000973	Vũ Thị Quỳnh Hương	03/03/2004	11A10	8.8	8	1.8	4.5	6.3	8	7.8	
56	001003	Huỳnh Thị Thu Mai	23/11/2003	11A10	8.3	8	1.8	4.4	6.2	4	4	
57	001042	Trần Nguyễn Bảo Nghi	16/02/2004	11A10	9.3	6.8	2	5.1	7.1	10	9.3	
58	001048	Phan Nguyễn Thúy Ngọc	30/10/2004	11A10	6	6.3	1.4	3.7	5.1	4.3	4	
59	001054	Phạm Thị Thanh Nhân	15/06/2004	11A10	8.5	7.8	1.6	5.1	6.7	9	7	
60	001073	Bùi Thị Thanh Như	02/09/2004	11A10	8.3	7	1.6	5	6.6	4.5	5.3	
61	001077	Phạm Minh Nhựt	01/12/2004	11A10	7	4.8	1.4	0.9	2.3	4.3	2.3	
62	001078	Vương Quốc Ninh	20/07/2004	11A10	9	4.8	1.2	4.1	5.3	9.8	8.3	
63	001096	Lê Trọng Phúc	27/12/2004	11A10	8.8	6.5	1.2	5	6.2	10	7.3	
64	001102	Lê Nguyễn Hoài Phương	06/10/2004	11A10	8.3	1.5	1.4	5.2	6.6	6	3.5	VPQCT
65	001105	Phạm Thị Bích Phương	07/01/2004	11A10	6.3	6	1.6	4.4	6	5	3.3	
66	001110	Nguyễn Anh Quốc	13/08/2004	11A10	8.8	6.5	1.8	4.6	6.4	7.3	8.5	
67	001117	Nguyễn Văn Sang	14/09/2004	11A10	8	6.5	1.6	4.6	6.2	6.3	8	
68	001118	Quảng Minh Sang	08/01/2004	11A10	8.8	4.5	1.6	3.4	5	3.5	2.5	
69	001124	Nguyễn Đức Tài	02/03/2004	11A10	7.5	4.8	1	5	6	4.8	5	
70	001128	Bùi Thị Tâm	27/05/2004	11A10	4.3	6	1.8	5.1	6.9	2.3	3.5	
71	001136	Huỳnh Ngọc Thanh	16/04/2004	11A10	8.3	6	2	4.8	6.8	5.8	6	
72	001155	Đào Ngọc Thông	30/10/2004	11A10	8.8	7.8	2.2	5.1	7.3	8.3	8.8	
73	001161	Giang Võ Quỳnh Anh Thư	06/06/2004	11A10	8.3	5.3	1.8	3.4	5.2	1	4	
74	001178	Trần Thanh Thương	04/12/2004	11A10	8.8	8	2	5.3	7.3	9.5	9.3	
75	001187	Trần Mai Yến Tiên	20/03/2004	11A10	8.8	6.8	2.4	5.6	8	9.5	9.3	
76	001203	Nguyễn Thị Bích Trâm	26/02/2004	11A10	8	7.3	1.8	4.8	6.6	3.8	7.3	
77	001205	Nguyễn Ngọc Trân Trân	15/01/2004	11A10	7.5	6.8	1.6	4.2	5.8	5	4	

78	001213	Trần Thị Tuyết Trinh	25/02/2004	11A10	9	7.5	1.8	4.4	6.2	9.5	5.8	
79	001214	Nguyễn Đức Trọng	26/12/2004	11A10	9	6.5	2	3.6	5.6	10	8.5	
80	001224	Huỳnh Mạnh Tuấn	02/11/2004	11A10	9	7.3	1.6	4.5	6.1	8.3	8.5	
81	001235	Lương Thị Thanh Vân	04/02/2004	11A10	7	5.8	2.8	5.5	8.3	4	5	
82	001244	Ngô Thái Vũ	01/07/2004	11A10	8.3	4	1.2	3.8	5	4.8	3.5	
83	001267	Võ Ngọc Như Ý	01/10/2004	11A10	8.8	7	1.8	4.3	6.1	2.5	5	
84	000875	Trịnh Thị Băng Băng	24/12/2004	11A2	7.5	7.5	2	3.4	5.4	5.5	6.8	
85	000886	Nguyễn Chí Cường	13/11/2004	11A2	8	5.5	2.6	3.8	6.4	3.8	5.5	
86	000888	Nguyễn Ngọc Diệp	04/07/2004	11A2	8.3	7.3	1.6	5	6.6	7.8	10	
87	000897	Trần Khánh Duy	28/04/2004	11A2	1.8	5	1.8	4.2	6	1.5	1	
88	000917	Đào Thanh Hải	08/01/2004	11A2	6.8	6.3	2	5.2	7.2	6	7	
89	000923	Phạm Thị Hồng Hạnh	20/09/2004	11A2	9.3	5.3	1.8	5.6	7.4	4	6.5	
90	000939	Nguyễn Thị Thu Hiền	31/10/2004	11A2	9	8	1	4.6	5.6	9.8	7.5	
91	000946	Trần Thái Hòa	07/01/2004	11A2	6	3.8	1.4	4.4	5.8	1	5	
92	000951	Nguyễn Kim Hồng	16/07/2004	11A2	9	6.8	2.4	5.4	7.8	6.5	6	
93	000956	Nguyễn Đăng Huy	25/09/2004	11A2	7.5	6	2.8	4.9	7.7	3	6	
94	000959	Nguyễn Minh Huy	11/06/2004	11A2	7.8	7.5	1.4	5.2	6.6	9.3	9.8	
95	000976	Nguyễn Hoàng Khánh	01/01/2004	11A2	7.8	6.5	2.2	4.9	7.1	7.8	9	
96	000992	Nguyễn Hà Linh	21/08/2003	11A2	5.8	7.3	1.6	3.4	5	5.5	4.8	
97	001005	Nguyễn Thị Yến Mai	29/05/2004	11A2	4	5	2.2	4.4	6.6	0	4.8	
98	001016	Vũ Hoàng Minh	01/04/2002	11A2	2.8	6.8	0.8	3.8	4.6	5.5	5	
99	001017	Hoàng Diễm Thảo My	24/09/2003	11A2	8.5	5.8	1.8	3.9	5.7	4.3	6.8	
100	001023	Nguyễn Thành Nam	11/05/2004	11A2	5	4.5	1.8	4.4	6.2	3.8	6.3	
101	001030	Nguyễn Hồng Ngân	24/12/2004	11A2	5.5	4	1.8	4.3	6.1	3.8	5.3	
102	001034	Phạm Kim Ngân	16/03/2004	11A2	9	6.8	1.6	5.8	7.4	10	8	
103	001068	Võ Ngọc Nhi	09/06/2004	11A2	3.5	2	1.4	3.8	5.2	1.8	3	
104	001082	Nguyễn Huỳnh Kiều Oanh	07/12/2004	11A2	5.8	3.3	1.4	3.7	5.1	5.5	3	

105	001088	Phạm Tấn Phát	19/08/2004	11A2	8.5	7.5	1.6	4.4	6	3.5	5.3	
106	001090	Huỳnh Tiến Phong	23/12/2004	11A2	7.8	5.3	2.6	5.3	7.9	5	8.8	
107	001098	Nguyễn Trọng Phúc	04/04/2004	11A2	8.3	7	2.2	5.8	8	6.3	10	
108	001107	Nguyễn Minh Quân	20/09/2004	11A2	6.5	6.8	1.4	2.2	3.6	4.5	5	
109	001131	Lê Ngọc Thạch	05/10/2004	11A2	6.8	7	2	5.4	7.4	6	7	
110	001142	Phạm Trường Thành	03/03/2004	11A2	5.8	7	1.6	5.3	6.9	5	4.5	
111	001143	Kiều Phương Thảo	25/06/2004	11A2	8.8	7.3	2.6	4.6	7.2	5.8	9.3	
112	001151	Trịnh Minh Thân	25/06/2004	11A2	5.8	6	1.6	4.7	6.3	2	1.5	
113	001165	Nguyễn Hoàng Anh Thư	03/06/2004	11A2	6.5	6	1.2	4.9	6.1	5	4.3	
114	001167	Nguyễn Ngọc Quế Thư	22/08/2003	11A2	6.3	3.8	1.4	3.8	5.2	4.5	4.5	
115	001176	Nguyễn Thị Ngọc Thương	23/10/2004	11A2	8.3	5	2.8	5.3	8.1	1	9.5	
116	001190	Phan Thanh Tiến	18/05/2004	11A2	6.8	5.8	2.2	5	7.2	8	9.3	
117	001195	Ngô Thị Thu Trang	05/10/2004	11A2	9	7	2.2	4.7	6.9	9.8	9	
118	001206	Nguyễn Quỳnh Trân	20/11/2004	11A2	8.8	6	2.2	4.2	6.4	6	9.8	
119	001207	Trần Thị Quế Trân	12/04/2004	11A2	9	3.8	1.6	4.5	6.1	9.8	6.5	
120	001241	Nguyễn Quang Vinh	02/03/2004	11A2	8.3	6.5	1.8	4.7	6.5	7.3	7.3	
121	001242	Đào Huy Vũ	27/05/2004	11A2	7.8	6.3	1.6	4.7	6.3	4.5	5	
122	001246	Nguyễn Trường Vũ	04/12/2004	11A2	8.8	7	1.2	4.8	6	6.8	7.5	
123	001248	Lê Nguyễn Tường Vy	26/02/2004	11A2	9	8.3	1.8	4.9	6.7	8	9.8	
124	001258	Trần Nguyễn Thúy Vy	22/09/2004	11A2	7.3	8	1.2	5.2	6.4	5.8	5.3	
125	000867	Trương Quỳnh Anh	09/06/2004	11A3	7.8	5.5	1.8	3.4	5.2	5.8	5.5	
126	000877	Võ Như Bình	23/02/2004	11A3	7.5	6.5	2	3.5	5.5	3	6.5	
127	000887	Đỗ Thành Danh	09/04/2003	11A3	9	6	1.2	5	6.2	4	7.8	
128	000899	Nguyễn Huỳnh Mỹ Duyên	18/12/2004	11A3	9	8.8	1.4	4.8	6.2	7.5	8.5	
129	000903	Lê Thị Hồng Đào	19/03/2004	11A3	9	7.5	2	4.8	6.8	8.8	9.8	
130	000914	Hà Hương Giang	23/10/2004	11A3	9	6.3	2.4	5.1	7.5	5.8	7	
131	000916	Bùi Trung Hải	22/02/2004	11A3	7	5.3	1.4	2.4	3.8	1.8	4.8	

132	000924	Lâm Chí Hào	31/03/2003	11A3	6	5	2.6	1.1	3.7	1.5	4.3	
133	000933	Nguyễn Minh Hậu	20/04/2004	11A3	7.8	8	2.4	4.1	6.5	3	5.3	
134	000937	Nguyễn Phúc Thảo Hiền	02/08/2004	11A3	9	7.8	2.6	5.1	7.7	9.5	8.3	
135	000941	Bùi Thanh Hiệp	23/01/2004	11A3	6.8	6.5	0.8	2.2	3	1.8	5.3	
136	000962	Vũ Gia Huy	16/11/2004	11A3	9	7	2.2	4.7	6.9	9.3	6.5	
137	000963	Nguyễn Hoàng Mỹ Huyền	22/01/2004	11A3	8.5	6.8	2	4	6	7.8	8.3	
138	000964	Trần Thị Ngọc Huyền	03/10/2004	11A3	8.8	6.8	2.6	5.3	7.9	9	8.5	
139	000971	Phạm Dương Thu Hương	07/05/2004	11A3	7.8	7.5	1.6	2.9	4.5	1.5	5.8	
140	000978	Phạm Thái Khôi	08/04/2004	11A3	8.3	7.8	1.2	3.1	4.3	5.5	5.8	
141	000984	Trần Quốc Kiệt	20/10/2004	11A3	6.8	4.3	1.6	3.2	4.8	1.5	4	
142	000990	Hắc Quỳnh Ch�c Linh	20/11/2004	11A3	6	8	1.2	0.6	1.8	3.8	4.5	
143	001006	Phạm Hiệp Mạnh	14/09/2004	11A3	8	5.8	1.2	3.9	5.1	6.5	8.3	
144	001020	Phạm Thị Ngọc My	11/03/2004	11A3	8	7.3	1.6	3.8	5.4	6.8	7.3	
145	001022	Lê Phương Nam	29/01/2004	11A3	8.5	7.3	2.2	4.9	7.1	7.3	9.8	
146	001038	Võ Thị Ngọc Ngân	17/02/2004	11A3	8.3	7	1.6	3.7	5.3	3.5	9.5	
147	001051	Lê Nguyễn Hoàng Nguyên	31/07/2004	11A3	6	6	1.2	3.4	4.6	4	7	
148	001053	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	12/06/2004	11A3	6.5	6.3	1	4.3	5.3	4.8	6	
149	001059	Phạm Minh Nhật	22/08/2004	11A3	8	6	1.8	2.1	3.9	1.3	5.5	
150	001066	Phan Ý Nhi	07/06/2004	11A3	8.5	5.8	1.4	3.5	4.9	5.8	8.3	
151	001092	Nguyễn Hoàng Ngọc Phong	17/08/2004	11A3	5.3	5	1	2.8	3.8	2.3	5.8	
152	001097	Nguyễn Hồng Gia Phúc	26/09/2004	11A3	6.8	4.5	1.6	3.9	5.5	1.5	5	
153	001103	Nguyễn Đông Phương	18/04/2004	11A3	5	6.8	1.2	3.9	5.1	0.8	2.8	
154	001112	Nguyễn Minh Quý	12/02/2004	11A3	9	8	1.4	5.3	6.7	9	8.8	
155	001146	Lê Hoàng Thẩm	28/07/2004	11A3	9	8.5	1.8	4.3	6.1	6.8	8.3	
156	001150	Phạm Quang Thắng	01/06/2004	11A3	5.8	7.3	2.2	3.8	6	5.5	4.3	
157	001153	Võ Hoàng Minh Thiện	20/07/2003	11A3	8.3	6.3	1.4	3.8	5.2	5.5	5	
158	001192	Trương Thị Mỹ Tiến	21/02/2004	11A3	8.3	5.5	0.6	3.4	4	3.8	5.8	

159	001194	Huỳnh Lữ Bình Trang	23/11/2004	11A3	9	6.8	2	2.8	4.8	7.8	6	
160	001197	Nguyễn Thị Thu Trang	29/06/2004	11A3	9	4.8	1.8	4.7	6.5	8	9	
161	001212	Nguyễn Tiến Triển	15/03/2004	11A3	9	7.8	2.2	4	6.2	8.8	9.3	
162	001220	Mai Cẩm Tú	28/11/2004	11A3	9	7.8	2.2	5.1	7.3	8	9.3	
163	001233	Đoàn Thụy Minh Uyên	01/12/2004	11A3	6.8	3.3	0.8	1.9	2.7	3.3	4.8	
164	001268	Nguyễn Thị Hoàng Yến	12/02/2004	11A3	8.3	6.5	1.6	4.3	5.9	3.3	6	
165	000863	Nguyễn Hoàng Anh	27/07/2004	11A4	5	3.8	1.6	2.8	4.4	3.3	2.8	
166	000889	Võ Quốc Dinh	05/05/2004	11A4	6.3	7.3	1.8	4.7	6.5	6.5	5.8	
167	000890	Nguyễn Thị Tuyết Dung	07/12/2004	11A4	6.8	7.8	1.8	3.2	5	8	7.5	
168	000901	Nguyễn Thùy Dương	19/05/2004	11A4	7	7.3	2	4.9	6.9	6.8	7.5	
169	000907	Phạm Nguyễn Đức Đạt	27/06/2004	11A4	6.8	6.5	2	4.2	6.2	4.3	7	
170	000929	Lê Thị Bích Hân	13/05/2004	11A4	6.8	6.5	1.6	3.3	4.9	5	6.3	
171	000932	Vũ Nguyễn Ngọc Hân	10/05/2004	11A4	9	7	3	6	9	9.8	9.8	
172	000950	Nguyễn Huy Hoàng	29/08/2004	11A4	7.5	4.8	1.4	3.6	5	7	6.5	
173	000953	Nguyễn Phi Hùng	09/05/2004	11A4	7.5	4.8	1.6	3	4.6	4.8	4.3	
174	000954	Trần Đức Hùng	09/09/2004	11A4	6.3	8	2	3.8	5.8	3.3	3.8	
175	000979	Nguyễn An Khương	04/01/2004	11A4	6.3	8	1.8	4.8	6.6	7.3	5	
176	000989	Bùi Thị Ngọc Linh	18/02/2004	11A4	6.8	8.5	1.6	4.8	6.4	3.3	5	
177	000997	Nguyễn Ngọc Thanh Loan	05/09/2004	11A4	9	8.5	1.6	5.1	6.7	4.5	8.5	
178	000998	Nguyễn Thị Tuyết Loan	08/07/2004	11A4	9	8.5	1.6	4.4	6	7.8	5.3	
179	001000	Nguyễn Tấn Lộc	05/08/2004	11A4	7	7	1.6	4.6	6.2	2.8	5.8	
180	001007	Nguyễn Trí Mẫn	03/07/2001	11A4	4.3	2.3	1	3.7	4.7	0.3	3.5	VPQCT
181	001009	Lê Hoàng Minh	20/09/2004	11A4	6.8	7.5	2.4	4.1	6.5	10	4.5	
182	001024	Nguyễn Trung Hiếu Nam	22/04/2004	11A4	8	7.3	2.2	4.6	6.8	5.5	7.8	
183	001045	Nguyễn Lê Bích Ngọc	10/10/2004	11A4	9	7.8	2.2	4.7	6.9	10	9.8	
184	001046	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	23/01/2004	11A4	9	8	1.6	5.1	6.7	6	6.8	
185	001052	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	20/12/2003	11A4	9	7.8	2	4.9	6.9	10	8	

186	001056	Nguyễn Thành Nhân	12/10/2004	11A4	8	6.8	0.6	2.7	3.3	3.3	4.3	
187	001065	Nguyễn Uyên Nhi	17/06/2004	11A4	9	8	2	5.3	7.3	9.8	9.8	
188	001075	Lâm Tâm Như	13/06/2004	11A4	8	5	1.8	4.7	6.5	3.3	7.5	
189	001084	Trần Mai Nhật Phàm	02/09/2004	11A4	4	6.5	1.6	2	3.6	3.3	6.3	
190	001086	Đỗ Tiến Phát	21/08/2003	11A4	7	7	1.6	2.1	3.7	3.8	8.5	
191	001091	Nguyễn Giang Triệu Phong	28/03/2004	11A4	8.3	6.8	0.8	4.7	5.5	3	4.8	
192	001116	Đào Tấn Sang	04/12/2004	11A4	6.5	6.5	2.2	4.4	6.6	5.8	6.3	
193	001127	Trần Nguyễn Tấn Tài	16/05/2004	11A4	7.5	6.8	1.4	4.5	5.9	5.5	9	
194	001141	Nguyễn Tấn Thành	30/07/2004	11A4	7.8	5.3	0.4	2.2	2.6	5	4.5	
195	001154	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	07/09/2004	11A4	9	7.3	2.2	5.1	7.3	9.8	9.8	
196	001157	Nguyễn Hiếu Thuận	18/01/2004	11A4	9	7.8	1.8	4	5.8	7.8	7.5	
197	001164	Lương Thị Thanh Thư	05/08/2004	11A4	5	6	1	4.1	5.1	2.5	7.3	
198	001171	Trần Phạm Anh Thư	03/09/2004	11A4	5.5	7.5	1.8	4.3	6.1	6.8	5.3	
199	001177	Tạ Hoài Thương	09/10/2004	11A4	7.8	4.5	1.4	4.4	5.8	1	3.5	
200	001183	Hoàng Thị Cẩm Tiên	25/04/2004	11A4	7.8	7.5	1.4	4.1	5.5	8.3	7.5	
201	001186	Phan Thị Kim Tiên	14/09/2004	11A4	8.3	7.3	2	4	6	8.3	5.5	
202	001221	Nguyễn Bảo Tú Tú	04/01/2004	11A4	5	7.8	1.4	1.3	2.7	4.3	6.3	
203	001222	Phan Quốc Tú	19/11/2004	11A4	8.5	7.3	1.8	4.4	6.2	9	5.8	
204	001251	Nguyễn Trương Thảo Vy	26/12/2004	11A4	8.3	7.8	1.4	4	5.4	7.3	5.5	
205	001252	Nguyễn Phúc Tường Vy	02/11/2004	11A4	4.3	7.5	2	4.1	6.1	3	2.5	
206	001264	Nguyễn Thị Kim Xuân	23/09/2004	11A4	6.3	7.8	1.8	3.6	5.4	6.8	6.3	
207	000858	Bùi Quốc Anh	07/11/2003	11A5	6.5	3	2	1.7	3.7	3.5	5.3	
208	000865	Phạm Hoàng Duy Anh	12/10/2004	11A5	8.3	5	1.2	5	6.2	6	8.8	
209	000871	Lê Hồng Ân	19/05/2004	11A5	8.8	8.3	1.6	3.6	5.2	2	6	
210	000874	Võ Hoàng Tú Bảo	29/06/2004	11A5	6.5	5.5	2.2	2.4	4.6	0.8	4.5	
211	000894	Nguyễn Thanh Duy	06/03/2004	11A5	9	6.8	1.6	3.7	5.3	4.5	10	
212	000896	Phạm Khánh Duy	12/10/2004	11A5	8.3	6.3	1.4	5.3	6.7	5.8	9.3	

213	000919	Nguyễn Thanh Thiên Hải	27/12/2004	11A5	8.3	5	1.6	3.8	5.4	3	5	
214	000920	Phan Lê Ngọc Hải	27/11/2004	11A5	8.8	6.3	1.2	2.6	3.8	6.3	6.5	
215	000922	Nguyễn Trần Hiếu Hạnh	21/02/2004	11A5	7.5	5.8	2	4.1	6.1	5.3	9.5	
216	000928	Cao Ngọc Gia Hân	01/12/2004	11A5	9	5.8	2	3	5	4.3	7	
217	000938	Nguyễn Thanh Hiền	12/10/2004	11A5	7	5	1.8	2.1	3.9	5.8	5.5	
218	000982	Cao Tuấn Kiệt	11/10/2004	11A5	9	3	2.6	4.1	6.7	7.8	7.5	
219	001004	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	12/08/2004	11A5	5.8	8.5	0.6	1.6	2.2	2.3	4.5	
220	001008	Đoàn Văn Minh	19/06/2004	11A5	8.5	7.5	1.6	4.6	6.2	5	8	
221	001029	Hồ Hoàng Ngọc Ngân	18/01/2004	11A5	8.3	4.8	1.4	1.4	2.8	3	5.5	
222	001032	Nguyễn Thanh Thanh Ngân	29/09/2004	11A5	9.3	7.8	2.4	5.1	7.5	9	9.3	
223	001049	Tiểu Hồng Bảo Ngọc	11/04/2004	11A5	8.8	3.3	1.4	4	5.4	5	6.3	
224	001050	Trần Thị Bích Ngọc	21/09/2004	11A5	9.3	6	2	3	5	1.5	8.5	
225	001062	Nguyễn Lê Uyên Nhi	18/05/2004	11A5	9	6.5	2	3.8	5.8	5.5	8.8	
226	001063	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	03/12/2004	11A5	8.3	5.3	1.8	4	5.8	1.5	7.8	
227	001080	Hà Ngọc Hoàng Oanh	16/03/2004	11A5	7.8	6	1.6	4.5	6.1	7.8	9.8	
228	001094	Huỳnh Thanh Phúc	19/01/2004	11A5	9	8.3	2.4	5.6	8	7	8.8	
229	001101	Lê Minh Phương	29/03/2004	11A5	7	7	1.8	4.4	6.2	2.8	5.5	
230	001104	Nguyễn Trúc Kiều Phương	08/07/2004	11A5	7.5	6	1.6	2.1	3.7	0.8	2.3	
231	001111	Từ Nguyễn Anh Thúy Quy	22/11/2003	11A5	8.5	7	1.4	4.5	5.9	5.5	6.5	
232	001119	Vũ Cao Sang	25/08/2004	11A5	8.3	6.8	1.6	4.8	6.4	6.3	4.5	
233	001121	Trần Nguyễn Thế Sự	15/08/2004	11A5	8.3	6	2.2	4.9	7.1	3	7.3	
234	001122	Lê Nguyễn Thành Tài	17/11/2004	11A5	6.8	1.3	2	3.8	5.8	1	7	
235	001133	Trần Quốc Thái	05/10/2004	11A5	9	7.3	1.2	5.6	6.8	8.8	10	
236	001137	Lê Huỳnh Kim Thanh	28/02/2004	11A5	6.8	6.5	1.4	1.6	3	4	4.5	
237	001145	Trần Thanh Thảo	26/12/2004	11A5	6	4.5	1.8	4.1	5.9	2.5	9.5	
238	001148	Huỳnh Văn Thắng	30/07/2004	11A5	8.3	3.3	1.2	2	3.2	1	6	
239	001172	Trần Thị Minh Thư	11/07/2004	11A5	9	8	2	3.8	5.8	7.8	9.5	

240	001188	Võ Thị Thủy Tiên	02/05/2004	11A5	9	8	2	5.1	7.1	8.5	9.5	
241	001199	Phạm Ngọc Thùy Trang	05/12/2004	11A5	7	3.3	1	2.4	3.4	0	2.3	
242	001202	Ngụy Ngọc Bảo Trâm	24/03/2004	11A5	8.8	8	2.2	5	7.2	10	9	
243	001240	Đặng Hoàng Việt	08/01/2004	11A5	8.8	7.5	1.4	3.9	5.3	8	9.8	
244	001247	Vũ Anh Vũ	20/03/2004	11A5	7.3	4.3	1.6	3.4	5	3	5.8	
245	001249	Lương Thị Hà Vy	15/01/2004	11A5	8	7.8	2.2	4.2	6.4	5	9	
246	001260	Trần Thị Thanh Vy	19/09/2004	11A5	7.8	6.3	1.4	3.2	4.6	5.5	7	
247	001265	Nguyễn Ngọc Như Ý	23/07/2004	11A5	7.5	7	1.8	1.6	3.4	2.5	5.5	
248	000870	Trần Ngọc Ánh	08/07/2004	11A6	8.3	5.5	2.2	4.6	6.8	8.8	8.5	
249	000876	Nguyễn Như Bình	06/09/2004	11A6	5.5	5.5	1.4	4.9	6.3	2	5.8	
250	000891	Cao Hoàng Dũng	08/09/2004	11A6	8.5	3	1	4.5	5.5	5.3	6	
251	000900	Đặng Thùy Dương	18/07/2004	11A6	8.5	6.5	2.4	5.3	7.7	9	7	
252	000909	Trần Tấn Đạt	22/06/2004	11A6	7.3	5.8	1.4	4.1	5.5	7	9.8	
253	000921	Trần Thanh Hải	06/10/2004	11A6	8.8	5.5	0.6	3.3	3.9	4.3	5	
254	000931	Nguyễn Huỳnh Bảo Hân	27/06/2004	11A6	9	7.5	2.2	5.2	7.4	9.3	7.8	
255	000942	Bùi Minh Hiếu	06/10/2004	11A6	8.5	6.5	1.8	3.8	5.6	9.3	6.5	
256	000943	Lê Huỳnh Trung Hiếu	01/08/2004	11A6	4.3	6	1.4	2.4	3.8	2.5	3	
257	000948	Cao Gia Hoàng	06/08/2004	11A6	8.5	5	1.8	4.6	6.4	8	7.8	
258	000952	Phạm Đức Huân	27/11/2004	11A6	8	5.5	2	2.2	4.2	2.8	5.5	
259	000969	Nguyễn Quỳnh Hương	14/10/2004	11A6	9	6	2	4.8	6.8	3.5	8.3	
260	000975	Nguyễn Trọng Khanh	02/01/2004	11A6	7.5	6.3	2.4	4.1	6.5	5.3	8	
261	001021	Hoàng Nam	29/04/2004	11A6	5	5	2.6	4.4	7	7.5	5.3	
262	001026	Vũ Bắc Trung Nam	03/05/2004	11A6	5.8	5.8	1.2	3.9	5.1	6.8	5.5	
263	001031	Nguyễn Ngọc Phượng Ngân	25/01/2004	11A6	6	8.5	2	5.4	7.4	5.3	6.5	
264	001035	Phạm Lê Kim Ngân	11/05/2004	11A6	7.3	7	1.2	4.4	5.6	5.3	5	
265	001057	Nguyễn Thành Nhân	20/10/2004	11A6	7	4.8	2	3.8	5.8	6.8	6.5	
266	001064	Nguyễn Quỳnh Phương Nhi	13/11/2003	11A6	9	8	2.4	5.5	7.9	9.8	9.8	

267	001072	Phạm Thị Ngọc Nhung	12/11/2004	11A6	9	6.5	2.2	4.7	6.9	6.3	8.8	
268	001079	Đỗ Thị Hoài Ny	23/12/2003	11A6	6.8	4.5	1.8	4	5.8	5.3	5	
269	001083	Nguyễn Kiều Oanh	05/12/2002	11A6	8.8	6.8	1.8	5.1	6.9	4.5	9.8	
270	001120	Lê Hoàng Sơn	31/05/2004	11A6	7.8	6.3	1.8	3.8	5.6	5.5	8	
271	001135	Bùi Ngọc Kim Thanh	08/10/2004	11A6	7.8	4.5	1.2	3.5	4.7	2.5	6.8	
272	001152	Nguyễn Diệu Thi	22/03/2004	11A6	8.8	5.8	1.8	3.8	5.6	8	7	
273	001162	Hoàng Anh Thư	17/12/2004	11A6	9	5.3	2.6	4.5	7.1	8.5	9.3	
274	001173	Võ Nguyễn Minh Thư	26/04/2004	11A6	7.8	3.8	1.6	4.5	6.1	6.8	7	
275	001179	Nguyễn Minh Thy	15/05/2004	11A6	6.3	7	2.4	4.8	7.2	8.5	6	
276	001181	Bùi Thủy Tiên	21/04/2004	11A6	9	8	2.8	5.6	8.4	10	10	
277	001185	Nguyễn Lê Nhật Tiên	09/09/2003	11A6	7.8	5.8	1.8	4	5.8	8.3	7.8	
278	001215	Phạm Nguyễn Thanh Trúc	22/09/2004	11A6	9	5	0.8	4	4.8	6.3	6.3	
279	001216	Trương Đức Trung	01/12/2004	11A6	7.5	7.3	1	3	4	6.5	6.8	
280	001218	Phạm Trung Trường	14/05/2004	11A6	9	5.8	1.6	4.3	5.9	5.3	7.5	
281	001219	Trần Xuân Trường	11/07/2004	11A6	9	8.3	2.2	5.8	8	10	9.8	
282	001227	Bạch Quang Tùng	03/03/2004	11A6	8.5	6	1.8	4.2	6	7	6.5	
283	001228	Mai Nguyễn Thanh Tùng	23/11/2003	11A6	7.5	5	1.4	3.9	5.3	7.3	9	
284	001230	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	30/10/2004	11A6	8.5	8.5	2	5.5	7.5	10	9.8	
285	001239	Hoàng Đại Vĩ	14/09/2004	11A6	5.8	6	1.6	4.6	6.2	4.3	5.5	
286	001245	Nguyễn Anh Vũ	06/06/2004	11A6	8.5	4.5	1.4	4.3	5.7	6	6.8	
287	001255	Phan Nguyễn Huyền Vy	01/10/2004	11A6	6.5	7.5	1.6	4.6	6.2	5	5	
288	001261	Trần Thúy Vy	11/02/2004	11A6	8.3	5.5	1.6	1.5	3.1	3.5	3.8	
289	000868	Võ Tuấn Anh	24/05/2004	11A7	8.3	8	1.2	4.8	6	6.8	8.8	
290	000872	Lê Nhật Trúc Ân	20/10/2004	11A7	5	5	2	4.8	6.8	1	1.8	
291	000880	Nguyễn Thị Chúc	26/07/2004	11A7	8	8	1.8	5.2	7	5.5	7.3	
292	000881	Phạm Hoàng Chương	21/10/2003	11A7	5.8	7.8	2.4	5.4	7.8	4	7.5	
293	000884	Đào Duy Cường	25/10/2004	11A7	8.3	5.5	2	4.2	6.2	7	8	

294	000895	Phạm Đức Duy	14/10/2004	11A7	1.5	7.8	2.4	3.1	5.5	4	3.8	
295	000898	Trần Quốc Duy	24/02/2004	11A7	9.3	7.3	2.4	5.3	7.7	7.5	8.8	
296	000905	Phạm Hồng Đào	21/02/2004	11A7	7.3	7	2.4	4.6	7	5	6.5	
297	000915	Nguyễn Hữu Trường Giang	08/04/2004	11A7	8.8	7.3	2.4	5.5	7.9	8	9.5	
298	000944	Tạ Thị Hoa	19/06/2004	11A7	7.5	6.3	1.2	4.4	5.6	6	8.5	
299	000957	Nguyễn Hoàng Huy	14/11/2004	11A7	7.5	8	1.4	3.5	4.9	5.3	7	
300	000966	Ngô Thanh Hưng	27/12/2004	11A7	8.8	8	1.4	5.6	7	5.5	9.3	
301	000970	Nguyễn Việt Hương	30/08/2004	11A7	5.8	7	2	3.9	5.9	1.5	5.8	
302	000977	Nguyễn Hồ Quốc Khánh	23/11/2004	11A7	6.8	7.5	2	4.4	6.4	5.8	7.8	
303	000980	Nguyễn Trung Kiên	01/07/2004	11A7	9.3	7.8	1.6	5.6	7.2	6.8	7.8	
304	000983	Phan Anh Kiệt	10/05/2004	11A7	7.8	6.8	1.4	4.6	6	3.8	7	
305	000988	Nguyễn Thị Thu Liễu	03/09/2003	11A7	7	7	1.2	3.2	4.4	1.3	3	
306	000991	Huỳnh Cẩm Linh	07/09/2004	11A7	8.5	8.5	1.8	4.7	6.5	5.8	9.5	
307	000993	Nguyễn Thị Ngọc Linh	18/07/2004	11A7	7.5	7.8	1.2	3.3	4.5	3.3	5	
308	001013	Phan Văn Minh	27/01/2004	11A7	6.8	6	1.4	2.1	3.5	3.8	3.3	
309	001027	Nguyễn Thị Tuyết Nga	27/10/2004	11A7	7	6.8	1.4	4	5.4	6.5	3.5	
310	001037	Võ Thị Kim Ngân	04/08/2004	11A7	9	7.5	2.4	5.7	8.1	7.3	9	
311	001040	Đặng Trúc Nghi	08/01/2004	11A7	7	4.8	0.4	2.4	2.8	6.8	7.5	
312	001047	Phạm Thị Hồng Ngọc	14/10/2004	11A7	9	6.8	2.2	4.6	6.8	7	8	
313	001106	Ngô Phú Quang	09/05/2004	11A7	8	7.8	1	3.7	4.7	0.5	6.5	
314	001108	Nguyễn Quang Quân	02/01/2004	11A7	8.5	8	1.8	4.8	6.6	7.5	6.8	
315	001114	Đinh Thị Diễm Quỳnh	27/07/2004	11A7	8.8	8.3	1.4	4.3	5.7	5	6.5	
316	001123	Lê Nguyễn Thành Tài	16/10/2004	11A7	8.3	6.3	1.8	3.9	5.7	3.5	7.3	
317	001134	Trần Quốc Thái	25/02/2004	11A7	4	6.3	2.2	3.5	5.7	2.3	6.3	
318	001140	Phan Thị Kim Thanh	27/01/2004	11A7	8.3	7	2.2	3.9	6.1	7	7.8	
319	001149	Phạm Nguyễn Thành Thắng	05/11/2004	11A7	8.5	7	1.8	2.7	4.5	3.8	8	
320	001160	Đinh Thị Anh Thư	31/01/2004	11A7	9	7.3	2.6	5.8	8.4	9.8	10	

321	001175	Dương Hoài Thương	08/06/2004	11A7	8.3	7.3	1.8	5.6	7.4	7.5	8.5	
322	001198	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/09/2004	11A7	5	4.5	2	3.8	5.8	0	4.5	
323	001201	Đặng Ngọc Minh Trâm	26/04/2004	11A7	5.5	5.8	1.4	3.4	4.8	1.5	3	
324	001204	Trần Thị Ngọc Trâm	28/02/2004	11A7	9	7	2.2	5.2	7.4	7.8	8.3	
325	001208	Trịnh Hoài Trân	21/10/2004	11A7	6.8	4.3	2	5	7	3.3	7	
326	001217	Nguyễn Huy Trường	20/12/2004	11A7	7	6.5	1.4	3.9	5.3	5	7.5	
327	001225	Nguyễn Trần Anh Tuấn	13/04/2004	11A7	6.5	5.8	1.8	5.2	7	2.5	4.5	
328	001236	Nguyễn Hiếu Tường Vân	06/10/2004	11A7	7.5	7	1.6	4.6	6.2	7	9.8	
329	001259	Trần Phạm Thúy Vy	10/05/2004	11A7	9.3	8.3	1.4	5.1	6.5	8.8	9.8	
330	001266	Trần Thị Như Ý	02/02/2004	11A7	8.5	5.5	1.6	4.8	6.4	3.5	4.5	
331	000857	Võ Nhật An	22/12/2004	11A8	7	5.3	1.2	1.8	3	2	3.5	
332	000859	Cao Nhật Anh	07/12/2004	11A8	8	7.3	1.6	3.3	4.9	9.3	9.8	
333	000864	Nguyễn Tuấn Anh	02/05/2004	11A8	7	6.5	1.4	3.9	5.3	3.3	3.8	
334	000879	Trương Thị Kim Chi	02/03/2004	11A8	6.3	6.8	1	3.5	4.5	3.3	5.8	
335	000882	Ngô Chiến Công	02/06/2003	11A8	8.5	5.3	1.8	3.3	5.1	8.8	9.8	
336	000904	Nguyễn Thị Hồng Đào	06/10/2004	11A8	7.3	8.3	1.6	3.9	5.5	4.5	3.3	
337	000913	Nguyễn Xuân Đức	05/04/2004	11A8	8.8	7.3	2.4	4.9	7.3	9.3	9.8	
338	000925	Nguyễn Nhật Hào	27/03/2004	11A8	6.8	5.8	1.4	3.4	4.8	2	5.3	
339	000926	Huỳnh Nguyễn Thanh Hằng	27/08/2004	11A8	7.5	7.5	1.4	4.1	5.5	3.8	6.5	
340	000947	Phan Trọng Hoài	17/10/2004	11A8	7.8	4.8	1.8	3.4	5.2	3	6	
341	000965	Nguyễn Tấn Huỳnh	02/03/2003	11A8	8.8	6.3	0.8	2	2.8	4.3	4.3	
342	000967	Nguyễn Gia Hưng	23/12/2004	11A8	7	6.5	2	3.4	5.4	3.8	3.5	
343	000968	Dương Thị Thu Hương	27/01/2004	11A8	7.3	7.8	1.2	3.5	4.7	4	4.3	
344	000981	Võ Minh Kiên	08/12/2004	11A8	8.8	7.8	1.8	5.1	6.9	8.3	8.5	
345	000987	Khổng Thị Lệ	12/09/2004	11A8	7	8.3	2.6	5.5	8.1	5.3	7.5	
346	000995	Phạm Thùy Linh	21/07/2004	11A8	6.3	8.5	0.8	3.1	3.9	3.8	5	
347	001001	Trần Huỳnh Thành Lộc	26/03/2004	11A8	6.8	7	2.4	3.5	5.9	0.3	5.3	

348	001012	Nguyễn Thái Minh	29/06/2004	11A8	6.8	6.5	1.6	3.9	5.5	7	5.3	
349	001014	Trần Bảo Minh	21/04/2004	11A8	6	5.5	1.6	3.5	5.1	3.8	3.5	
350	001015	Trần Nguyễn Hùng Minh	02/06/2003	11A8	3.5	4.8	1.2	0.4	1.6	4.8	3	
351	001039	Dương Nguyễn Tuyết Nghi	18/11/2004	11A8	7.8	6.3	2.2	4.9	7.1	3.3	5.3	
352	001069	Võ Phạm Ái Nhi	11/09/2004	11A8	7.3	7	2	5	7	5.5	7.8	
353	001081	Huỳnh Thị Kim Oanh	12/06/2004	11A8	4.3	5	1	1.7	2.7	5.5	2.5	
354	001087	Nguyễn Thành Phát	22/06/2004	11A8	6.8	5.8	2.2	3.8	6	0	3.5	
355	001089	Đặng Thanh Phong	11/05/2004	11A8	6	7	1.4	4	5.4	6.3	8	
356	001095	Lâm Hoàng Phúc	28/07/2004	11A8	7	6.5	2.4	3.5	5.9	6.3	7.8	
357	001100	Chung Ngọc Uyên Phương	24/04/2004	11A8	6.3	8	2	4.4	6.4	5.3	5.8	
358	001126	Nguyễn Thành Tài	28/01/2004	11A8	6.5	6	3	5.2	8.2	0	4.3	
359	001132	Phan Quang Thái	28/08/2004	11A8	7.5	7.5	0.6	3	3.6	6	4.3	
360	001138	Nguyễn Thị Đan Thanh	18/08/2002	11A8	4.3	8	1.8	4.2	6	5.3	3.8	
361	001166	Nguyễn Lạc Minh Thư	04/10/2004	11A8	8.3	7.5	1.8	4.9	6.7	6	8	
362	001169	Phạm Anh Thư	17/01/2004	11A8	7.3	8.3	2.6	5	7.6	8	7.8	
363	001174	Bùi Văn Thương	23/03/2004	11A8	7.5	6.8	2.4	2.8	5.2	2.8	7	
364	001182	Dương Cát Tiên	07/04/2004	11A8	9	7.5	2.2	5.7	7.9	7.3	9.3	
365	001223	Võ Thành Tuấn	03/07/2004	11A8	7.3	7.8	2	4.5	6.5	3	6.5	
366	001229	Lý Minh Tuyền	16/02/2004	11A8	9	6	1.6	3.3	4.9	3.5	6.8	
367	001232	Đào Nguyễn Phượng Uyên	02/09/2004	11A8	8.3	8	2.4	4.6	7	6	6.5	
368	001234	Đỗ Hoàng Duy Uyên	20/07/2004	11A8	4.3	8	1.6	4.3	5.9	6.5	6.3	
369	001238	Phạm Ngọc Thanh Vi	13/08/2004	11A8	7.3	7.5	1.4	3.8	5.2	8.5	7	
370	001250	Mai Phương Vy	25/02/2004	11A8	8.5	7.8	1.2	3.6	4.8	5	9.3	
371	001257	Trần Ngọc Trà Vy	29/10/2004	11A8	9	8.3	1.8	4	5.8	10	9	
372	000866	Tô Thị Kim Anh	02/06/2004	11A9	8.5	6.8	1.4	2.6	4	6	6.8	
373	000869	Võ Nguyễn Trâm Anh	03/01/2004	11A9	8.8	7	1.4	4.3	5.7	9.3	8.8	
374	000873	Hoàng Gia Bảo	25/01/2004	11A9	8.5	7.8	2	4	6	5	5.8	

375	000902	Nguyễn Thùy Dương	23/06/2004	11A9	5	6.8	1.6	3.5	5.1	9.3	4.3	
376	000911	Lê Huỳnh Đức	01/05/2004	11A9	9	6	1.8	4	5.8	7.5	6.8	
377	000918	Ngô Trung Hải	21/06/2004	11A9	5	6.3	2	3.4	5.4	7.8	3.5	
378	000935	Võ Công Hậu	29/11/2004	11A9	8.8	6	1.6	2.6	4.2	6.8	5.8	
379	000936	Huỳnh Ngọc Hiền	23/05/2004	11A9	7.5	6	1.4	2.3	3.7	7	5.5	
380	000945	Phạm Huy Thái Hòa	03/02/2004	11A9	4.3	7.3	1.6	3.7	5.3	5.3	1.8	
381	000961	Trần Nhật Huy	09/10/2004	11A9	6	7.8	2.6	4.3	6.9	7.8	6.8	
382	000972	Quách Diễm Hương	27/09/2004	11A9	7.5	7	2	5.2	7.2	5	7.5	
383	000985	Lê Mai Ngọc Lâm	22/07/2004	11A9	5.8	6.3	2.2	3.2	5.4	9	4.8	
384	000996	Tiền Huệ Linh	05/11/2004	11A9	7.5	6	1.2	2.9	4.1	7	7.5	
385	001002	Lê Thanh Luận	23/08/2004	11A9	5.8	6.3	1.6	3.4	5	4.5	3	
386	001010	Nguyễn Hồng Minh	29/03/2004	11A9	6.3	6.8	2	5	7	8	6	
387	001018	Nguyễn Hà My	07/09/2004	11A9	9	7	1.6	4.9	6.5	8	8.5	
388	001025	Võ Hoàng Nam	26/03/2004	11A9	8.5	6	1.4	3.4	4.8	6.8	7.5	
389	001036	Trần Lê Bảo Ngân	07/04/2004	11A9	5.5	7.5	1	2.8	3.8	2.5	3.8	
390	001041	Trần Gia Nghi	06/09/2004	11A9	9	7.8	2.8	5.4	8.2	10	9.3	
391	001058	Nguyễn Trọng Nhân	29/01/2004	11A9	8.5	6.3	2.4	3	5.4	6.8	9.8	
392	001061	Hồ Thành Nhi	29/05/2004	11A9	7.8	4.5	1	2.2	3.2	5	5	
393	001067	Trần Thị Yến Nhi	29/07/2002	11A9	9	6.5	2	3.9	5.9	4.8	8.8	
394	001093	Đỗ Hoàng Phúc	08/07/2004	11A9	8.5	6.5	2.2	5	7.2	5	6.8	
395	001109	Tăng Gia Quân	04/10/2004	11A9	8.5	8.3	1.4	4.1	5.5	6	8.3	
396	001125	Nguyễn Tấn Tài	12/11/2004	11A9	6.3	6.3	2	3	5	1.5	5.8	
397	001129	Phạm Thị Thanh Tâm	20/10/2004	11A9	7	4.5	1.8	4.3	6.1	3.5	4.8	
398	001156	Lâm Minh Thuận	30/01/2004	11A9	7	4.3	1.4	4.5	5.9	5.3	6.8	
399	001159	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/09/2004	11A9	8.3	6.3	2	4.3	6.3	10	7	
400	001163	Huỳnh Minh Thư	13/04/2004	11A9	6.3	5.5	0.8	0.5	1.3	4	3.8	
401	001180	Phạm Đỗ Anh Thy	01/09/2004	11A9	8	7.5	2.4	4.9	7.3	5.3	6.3	

402	001184	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	19/11/2004	11A9	7	6.8	2.2	2.6	4.8	9.3	4.8	
403	001193	Trần Thanh Tình	16/05/2004	11A9	6.8	5.8	1	2	3	4.3	4.8	
404	001196	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/12/2004	11A9	8.3	6.5	2	3.9	5.9	8	6.3	
405	001200	Võ Thị Thanh Trang	24/10/2004	11A9	6	3	1.2	2.7	3.9	4.3	4	
406	001209	Cao Văn Trí	19/07/2004	11A9	7.5	5.3	0.8	1.5	2.3	5.5	5.5	
407	001231	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	15/06/2004	11A9	7.5	7.3	1.6	2.6	4.2	7.5	6	
408	001237	Phạm Thị Hồng Vân	07/01/2004	11A9	7.5	7.8	1.8	4.9	6.7	8	5	
409	001243	Lã Nguyễn Tuấn Vũ	16/04/2004	11A9	8.3	6.8	1.2	3.1	4.3	5.8	9.5	
410	001253	Nguyễn Trang Thảo Vy	04/02/2004	11A9	7.5	6.3	1.6	4.7	6.3	7.8	8.3	
411	001254	Phạm Tường Vy	01/07/2004	11A9	6	7.3	1.2	3.2	4.4	8.3	3	
412	001263	Vũ Hoàng Triệu Vỹ	29/07/2004	11A9	8.8	7.5	1.8	5.1	6.9	6.5	7.3	